
ĐO LƯỜNG TRÌNH ĐỘ DÂN TRÍ TÀI CHÍNH CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM

Phan Hữu Nghị

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: nghiph@neu.edu.vn

Bùi Nhật Quang

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: buinhatquang03@gmail.com

Đào Hải Nam

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: namhaidao321@gmail.com

Mã bài: JED-1810

Ngày nhận bài: 14/07/2024

Ngày nhận bài sửa: 17/09/2024

Ngày duyệt đăng: 05/10/2024

DOI: 10.33301/JED.VI.1810

Tóm tắt

Vai trò của dân trí tài chính trong bối cảnh hội nhập và phát triển kinh tế đang ngày một được đánh giá cao ở cả các nền kinh tế phát triển và đang phát triển, chiếu theo yêu cầu của sự phổ biến mà đầy phức tạp của các sản phẩm tài chính hiện nay. Trên cơ sở lý thuyết từ các nghiên cứu trước, nghiên cứu này đề xuất một khái niệm thống nhất cho dân trí tài chính - một khái niệm đa chiều với ba nội hàm là thái độ tài chính, hành vi tài chính và kiến thức tài chính. Nghiên cứu sử dụng phương pháp bảng hỏi để thu thập dữ liệu sơ cấp, có cỡ mẫu là 584 sinh viên đang học tập tại các trường đại học của Việt Nam và phân tích bằng phương pháp mô hình cấu trúc tuyến tính. Kết quả thu được cho thấy cả ba nội hàm này đều có mối liên hệ với dân trí tài chính, trong đó hành vi tài chính thể hiện sự tương quan lớn nhất, theo sau bởi thái độ tài chính và cuối cùng là kiến thức tài chính.

Từ khóa: Dân trí tài chính, hành vi tài chính, kiến thức tài chính, thái độ tài chính.

Mã JEL: G41, G53, I31.

Defining and measuring financial literacy of Vietnamese young adults

Abstract

The role of financial literacy in the context of integration, globalization and economic development has garnered growing appreciation in both developed and developing economies to meet the requirements of the prevalence yet sophistication of current financial products. This study, thus, proposed a composite definition for financial literacy as a multidimensional concept with three components - namely financial attitude, financial behavior, and financial knowledge - before developing a measurement scale based on theoretical synthesis from previous studies. The study used the questionnaire method to collect primary data, with a sample size of 584 students from Vietnamese universities and colleges. The reflectiveness of financial literacy through the said components is confirmed through the use of Structural Equation Modeling analysis via AMOS. The results show that all three assumed components exhibit statistically significant correlations with financial literacy, whereas financial behavior displays the highest correlation, followed by financial attitude and, lastly, financial knowledge.

Keywords: Financial attitude, financial behavior, financial knowledge, financial literacy.

JEL Codes: G41, G53, I31.

1. Giới thiệu

Với sự phát triển của hệ thống tài chính toàn cầu, các sản phẩm tài chính ngày càng phổ biến, đa dạng và phức tạp. Điều này đòi hỏi người sử dụng cần phải có một lượng kiến thức nhất định để có thể sử dụng hiệu quả và tránh các vấn đề tiêu cực phát sinh khi dùng các sản phẩm tài chính này. Nói cách khác, việc hiểu khái niệm tài chính và nhận biết các công cụ tài chính đóng vai trò rất cần thiết cho các cá nhân trong việc đưa ra các quyết định tài chính. Theo OECD (2022), đánh giá mức độ hiểu biết về tài chính của người dân là một thành phần quan trọng trong một chiến lược quốc gia thành công về giáo dục tài chính. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, sở hữu một trình độ dân trí tài chính thấp kéo theo các vấn đề như gặp khó khăn trong việc quản lý các khoản nợ và đầu tư (Lusardi & Tufano, 2009), giảm khả năng tham gia vào thị trường chứng khoán (Van Rooij & cộng sự, 2011), không lập kế hoạch hưu trí (Lusardi & Mitchell, 2011) và khó tích lũy cũng như quản lý tài sản của mình (Hilgert & cộng sự, 2003). Ngoài ra, dân trí tài chính còn là yếu tố thiết yếu trong việc quản lý dòng tiền và giúp quyết định hành vi tín dụng, thế chấp và thanh toán hoá đơn (Potrich & cộng sự, 2016). Từ đó có thể khẳng định dân trí tài chính có vai trò to lớn không chỉ đối với các cá nhân mà còn tổng thể nền kinh tế và việc nghiên cứu về dân trí tài chính là cần thiết cho bất kỳ quốc gia nào trên thế giới, thể hiện qua việc các Nguyên tắc Cấp cao về Chiến lược Quốc gia về Dân trí Tài chính của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) được thông qua tại hội nghị G20 (OECD, 2017). Đặc biệt, cần tập trung vào đối tượng là người trẻ do những thách thức về mặt tài chính với thanh niên nằm ở một mức độ nghiêm trọng hơn bởi sự thiếu hụt về cả mặt vật chất lẫn tinh thần để tự khắc phục hậu quả nảy sinh từ những quyết định tài chính sai lầm (Lusardi & cộng sự, 2010). Cũng theo Lusardi & cộng sự (2010), nghiên cứu về dân trí tài chính ở người trẻ có tầm quan trọng đặc biệt đối với các nhà hoạch định chính sách. Đánh giá kịp thời về dân trí tài chính của thanh niên có thể hỗ trợ việc thiết kế các chương trình giáo dục tài chính hiệu quả nhắm vào thanh niên cũng như các nhà làm luật để bảo vệ những người tiêu dùng trẻ tuổi.

Lĩnh vực nghiên cứu về dân trí tài chính của giới trẻ Việt Nam sở hữu số lượng chưa nhiều và cũng chưa thực sự sâu sắc. Hơn hết, hiện nay vẫn chưa có sự thống nhất về khái niệm và các nội hàm của dân trí tài chính. Một số nghiên cứu coi dân trí tài chính gồm duy nhất một nội hàm trong khi có các nghiên cứu khác coi dân trí tài chính gồm ba hoặc bốn hoặc năm nội hàm. Điều này gây khó khăn cho việc xây dựng một thang đo chính xác để đo lường dân trí tài chính và dẫn đến một khoảng trống lớn trong lĩnh vực nghiên cứu này. Nhận thấy khoảng trống này, nhóm nghiên cứu thực hiện nghiên cứu này nhằm đưa ra một khái niệm thống nhất cho dân trí tài chính và xây dựng một thang đo dựa trên tổng hợp lý thuyết từ các nghiên cứu trong và ngoài nước trước đây. Dữ liệu sơ cấp về các yếu tố đo lường trình độ dân trí tài chính của giới trẻ Việt Nam được thu thập trong vòng 3 tháng (từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023). Đối tượng là sinh viên đang theo học tại các trường đại học không giới hạn trên toàn bộ lãnh thổ địa lý của nước Việt Nam, được tiếp cận thông qua bảng hỏi tự giám sát được phân phát trực tuyến với số lượng câu trả lời hiệu quả là 584.

Kết cấu của nghiên cứu được chia làm năm phần. Sau phần giới thiệu về tính cấp thiết của nghiên cứu là tổng quan nghiên cứu về dân trí tài chính cùng các yếu tố nội hàm; tiếp theo là khái quát phương pháp nghiên cứu và tổng hợp kết quả cũng như đối chiếu, phân biện với các nghiên cứu đi trước; cuối cùng nhóm nghiên cứu rút ra kết luận và một vài hàm ý chính sách.

2. Cơ sở lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu

2.1. Dân trí tài chính

Cụm từ “Dân trí tài chính” được chuyển ngữ từ thuật ngữ gốc “Financial literacy”, trong đó “literacy” dùng để chỉ khả năng biết đọc và viết của con người (Zarcadoolas & cộng sự, 2006). Về nghĩa rộng, khả năng này bao gồm cả sự hiểu biết (kiến thức về từ ngữ, ký hiệu và toán học cơ bản) lẫn sử dụng (đọc, hiểu, tính toán) các kiến thức này để phục vụ cho cuộc sống của mỗi cá nhân. Cách chuyển ngữ “Dân trí tài chính” đã được các chuyên gia trong nước về lĩnh vực tài chính cá nhân công nhận bởi thuật ngữ “dân trí” đã bao hàm khái niệm người dân và khái niệm trí tuệ cũng như khả năng sử dụng trí tuệ (Khúc Thế Anh, 2020).

Tại thời điểm nghiên cứu, vẫn chưa có một sự thống nhất về khái niệm chính xác cũng như nội hàm của dân trí tài chính. Theo Huston (2010), phần lớn các bài nghiên cứu cho tới thời điểm đó không khẳng định một khái niệm cụ thể cho dân trí tài chính. Kể từ những năm 1990, giới học thuật đã tiếp cận dân trí tài chính dưới dạng một khái niệm đơn chiều hoặc là sự kết hợp giữa các yếu tố kinh tế-xã hội, cụ thể là nhận thức tài

chính, hành vi tài chính, kiến thức tài chính, thái độ tài chính, v.v. Nghiên cứu đầu tiên về dân trí tài chính được công bố bởi Noctor & cộng sự vào năm 1992, trong đó khái niệm này được định nghĩa là khả năng đưa ra những phán quyết và quyết định hiệu quả liên quan đến sử dụng và quản lý tiền. Thay vì tập trung vào khía cạnh ứng dụng, Bowen (2002) đã đề xuất dân trí tài chính nên được coi là khả năng hiểu được những thuật ngữ và khái niệm tài chính cần thiết cho cuộc sống thường ngày. Tương tự, Bumcrot & cộng sự (2013) coi dân trí tài chính đơn giản là nắm bắt được các khái niệm tài chính cơ bản; trong khi Kadoya & Khan (2020) đi sâu vào những khái niệm đó cụ thể là lãi suất, lạm phát, rủi ro và đa dạng hóa. Như vậy, các nhà nghiên cứu này tập trung vào mặt “kiến thức” và “hiểu biết” của dân trí tài chính, mặc dù cách hiểu như vậy có thể phát sinh vấn đề trong quá trình thiết kế nghiên cứu vì bản chất dân trí tài chính và kiến thức tài chính là khác nhau (Potrich & cộng sự, 2016).

Cách khái niệm này của dân trí tài chính không đề cập đến khía cạnh mục tiêu lâu dài của dân trí tài chính mà chỉ tập trung vào kiến thức hoặc hành vi (quyết định hiệu quả) trong ngắn hạn của đối tượng. Tuy nhiên, khái niệm dân trí tài chính nên được tiếp cận dưới một góc nhìn đa chiều (Huston, 2010; Nguyen & cộng sự, 2017). Các khái niệm dân trí tài chính đa chiều không chỉ có sự mở rộng hơn so với một chiều ở việc đã bao gồm nhiều nội hàm khác nhau của dân trí tài chính như kiến thức, thái độ, kỹ năng, độ tự tin, v.v. mà còn đề cập đến mục tiêu mà việc nâng cao dân trí tài chính hướng đến. Cụ thể, mục tiêu đó là việc ra được quyết định tài chính hiệu quả (Hastings & cộng sự, 2013). Mục tiêu này có thể đạt được thông qua việc kết hợp kiến thức và hiểu biết của bản thân về các khái niệm tài chính cơ bản để hình thành những hành vi tài chính tích cực hoặc kết hợp với kỹ năng tài chính thể hiện qua khả năng tính toán (Hastings & cộng sự, 2013).

Việc bao hàm ba nội hàm này của dân trí tài chính cũng được rất nhiều nghiên cứu ủng hộ (Potrich & cộng sự, 2016; OECD, 2022). Ngoài ra, các nghiên cứu nhóm này cũng đề cập đến một khái niệm kết quả chung là “thỏa mãn tài chính” (financial well-being) - sự hài lòng với mức sống hiện tại của bản thân và tự do về tài chính - không phụ thuộc vào một cá nhân khác (Brüggen & cộng sự, 2017). Mở rộng hơn, Miller & cộng sự (2009) cũng đề cập đến mục tiêu thỏa mãn tài chính nhưng đã bao quát thêm cả độ tự tin cũng là một cấu thành của dân trí tài chính. Cụ thể, dân trí tài chính theo đó là sự kết hợp hiểu biết về sản phẩm tài chính với độ tự tin của người tiêu dùng khi chấp nhận rủi ro và tận dụng cơ hội để đưa ra quyết định hiệu quả để cải thiện mức độ thỏa mãn về tài chính. Ngoài ra, dân trí tài chính còn được coi là một phần của vốn con người theo khía cạnh tài chính (Huston, 2010). Việc nâng cao dân trí tài chính thông qua các chương trình giáo dục được kỳ vọng sẽ giúp phát triển nguồn nhân lực, góp phần nâng cao chất lượng và năng suất của lực lượng lao động nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Từ các cách định nghĩa trên, nhóm nghiên cứu đề xuất một khái niệm tổng hợp cho “dân trí tài chính”: Dân trí tài chính là một tổ hợp kiến thức tài chính, thái độ tài chính và hành vi tài chính giúp con người đưa ra được những quyết định hợp lý để hướng tới mục tiêu thỏa mãn về tài chính. Thông qua đánh giá kiến thức về các khái niệm tài chính, thái độ với đồng tiền và hành vi tài chính tích cực, có thể xây dựng một thang đo đánh giá mức độ dân trí tài chính một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, tồn tại một vấn đề khác trong nghiên cứu về kiến thức tài chính là sự nhầm lẫn giữa “kiến thức tài chính” (financial knowledge), “giáo dục tài chính” (financial education) và “năng lực tài chính” (financial capability). Về vấn đề này, nhóm nghiên cứu đưa ra sự phân biệt như sau: “kiến thức tài chính” là kiến thức tài chính của con người về các khái niệm tài chính cụ thể (Huston, 2010); “giáo dục tài chính” đề cập đến quá trình một cá nhân nâng cao hiểu biết của họ về các sản phẩm tài chính và những rủi ro liên quan nhờ thông tin, hướng dẫn và đánh giá khách quan thu được (OECD, 2005); “năng lực tài chính” là một khái niệm bao gồm cả kiến thức tài chính và kỹ năng tài chính giúp các cá nhân hiểu được tình hình tài chính của họ, kèm theo động lực hành động dựa trên kiến thức tài chính đó. (HM Treasury, 2017). Đặt các khái niệm này vào thực tế, mỗi cá nhân sẽ có được kiến thức tài chính thông qua giáo dục tài chính, từ đó dần dần phát triển năng lực tài chính để tự đưa ra quyết định - và hiểu biết tài chính là ngưỡng năng lực trước khi kết hợp với trách nhiệm, sự tự tin, v.v. để hình thành năng lực tài chính.

2.2. Giả thuyết nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng bộ thang đo với nền tảng từ OECD (2022) do tính phù hợp nhất với khái niệm đề xuất của chúng tôi. Thang đo này được phát triển bởi các chuyên gia về tài chính cá nhân hàng đầu để đo lường trình độ dân trí tài chính và tài chính toàn diện mà trong đó các câu hỏi được đề xuất tập trung vào ba

nội hàm chính của dân trí tài chính như sau:

Thái độ tài chính đề cập đến cảm xúc và quan điểm của mỗi cá nhân đối với các vấn đề tài chính, có ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi và việc ra quyết định sau đó của họ (Rai & cộng sự, 2019). Theo Khúc Thế Anh (2020), một người coi trọng lợi ích tài chính ngắn hạn hơn là tích lũy cho tương lai cũng có xu hướng hiếm khi cân nhắc đầu tư, dành một khoản dự phòng cho những trường hợp khẩn cấp hoặc lập kế hoạch tài chính dài hạn. Nghiên cứu về thói quen chi tiêu của học sinh châu Á, Shahryar và Tan (2014) kết luận rằng ảnh hưởng của thái độ đến dân trí tài chính là rất rõ ràng. Kết quả này cũng được kiểm chứng bởi nghiên cứu của Potrich & cộng sự (2016) khi thực hiện phân tích trên cùng nhóm đối tượng trên ở Brazil cũng như Rai & cộng sự (2019) khi đánh giá trình độ dân trí tài chính của phụ nữ đang đi làm ở Ấn Độ. Từ các kết quả trên, nhóm nghiên cứu đặt giả thuyết như sau:

H1: Dân trí tài chính được phản ánh qua thái độ tài chính.

Hành vi tài chính là tập hợp các hành vi tài chính của con người liên quan đến các quyết định tài chính và quản lý dòng tiền. Đây là một nội hàm cơ bản và rất quan trọng của dân trí tài chính (OECD, 2022), đồng thời có mối liên hệ mật thiết với hai nội hàm còn lại. Theo Atkinson & Messy (2012), hành vi tài chính tích cực cũng thường gắn liền với tư duy dài hạn, phù hợp và mức độ hiểu biết tài chính đáng chú ý về các chủ đề kinh tế. Ngoài ra, trình độ hiểu biết tài chính càng cao thì hành vi tài chính của đối tượng càng tích cực và khôn ngoan hơn. Điều này được thể hiện trong một loạt các hành vi tài chính bao gồm lập kế hoạch nghỉ hưu (Lusardi & Mitchell, 2011), tiết kiệm (Lusardi & Mitchell, 2011), tham gia thị trường chứng khoán (Van Rooij & cộng sự, 2011), hoặc ra quyết định đầu tư (Ozdemir & cộng sự, 2021). Từ đó, nhóm nghiên cứu đặt giả thuyết dân trí tài chính có mối tương quan rất chặt chẽ với hành vi tài chính.

H2: Dân trí tài chính được phản ánh qua hành vi tài chính.

Kiến thức tài chính đề cập đến sự hiểu biết của một cá nhân về các vấn đề và khái niệm tài chính (Khan & cộng sự, 2017), thường bị sử dụng nhầm lẫn với hiểu biết về tài chính (Huston, 2010). Với sự phức tạp ngày càng tăng và tính sẵn có của các sản phẩm tài chính cho các nhà đầu tư, vai trò của kiến thức tài chính là hết sức cần thiết (Hilgert & cộng sự, 2003). Kempson (2009), khi nghiên cứu năng lực tài chính và các thành phần của nó, đã kết luận rằng kiến thức tài chính đóng vai trò nền tảng cho khả năng xử lý hiệu quả các vấn đề tài chính hàng ngày và đưa ra các quyết định hợp lý phù hợp. Mối quan hệ tích cực giữa kiến thức tài chính và dân trí tài chính cũng được khẳng định trong kết quả của Hung & cộng sự (2009), Rai & cộng sự (2019), Potrich & cộng sự (2016). Như vậy, kiến thức tài chính là một nội hàm mang tính nền tảng của dân trí tài chính; nhóm nghiên cứu do đó đặt giả thuyết:

H3: Dân trí tài chính được phản ánh qua kiến thức tài chính.

Mặt khác, sự khác biệt về điều kiện kinh tế, hệ thống chính trị, lịch sử văn hóa, tôn giáo đã khiến việc áp dụng kết quả nghiên cứu về hiểu biết tài chính từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển, đặc biệt là ở các nước châu Á trong đó có Việt Nam là không hợp lý (Khúc Thế Anh, 2020). Do đó, việc tiến hành nghiên cứu thực nghiệm về dân trí tài chính nên được thực hiện càng sớm càng tốt ở Việt Nam và các nước đang phát triển khác. Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu tiến hành thu thập và kiểm định dữ liệu thực tế với nhóm đối tượng được chọn là sinh viên đại học vì theo báo cáo của Lusardi và cộng sự (2010), đối tượng người trẻ thuộc các nhóm khác thường có xu hướng trả lời các câu hỏi nghiên cứu là “tôi không biết” hoặc từ chối trả lời nếu không có đủ sự động viên và giám sát của nhà nghiên cứu.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng công cụ đo lường là bảng hỏi tự giám sát chia làm năm phần khác nhau, bao quát thông tin cá nhân cần thiết cũng như cả ba nội hàm của dân trí tài chính. Bảng hỏi được điều chỉnh và chuyên ngữ từ các bảng hỏi của Van Rooij & cộng sự (2011), Potrich & cộng sự (2016), OECD (2022), sau đó được đăng trên nhiều diễn đàn và mạng xã hội của sinh viên thông qua các nền tảng mạng xã hội từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2023. Qua 1043 lượt truy cập vào bảng hỏi, có 637 lượt hoàn thành bảng câu hỏi, đạt tỷ lệ phản hồi 61,07%. Trong đó, sau khi loại bỏ dữ liệu ngoại lai, dữ liệu chính thức có 584 câu trả lời có thể sử dụng được - tỷ lệ phản hồi hiệu quả là 91,68%. Thông tin của đáp viên được trình bày trong Bảng 1.

Để đánh giá kiến thức tài chính, nhóm nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 điểm dựa trên hai nhóm câu hỏi trắc nghiệm được chuyển thể từ van Rooij & cộng sự (2011). Nhóm thứ nhất (kiến thức cơ bản) bao gồm

ba câu hỏi nhằm đo lường các khả năng tài chính cơ bản liên quan đến lạm phát, thuế suất và giá trị của tiền theo thời gian. Nhóm thứ hai (kiến thức nâng cao) bao gồm hai câu hỏi nhằm khám phá mức độ hiểu biết liên quan đến các công cụ tài chính phức tạp hơn, chẳng hạn như cổ phiếu, trái phiếu chính phủ và đa dạng hóa rủi ro.

Bảng 1: Đặc điểm nhân khẩu học

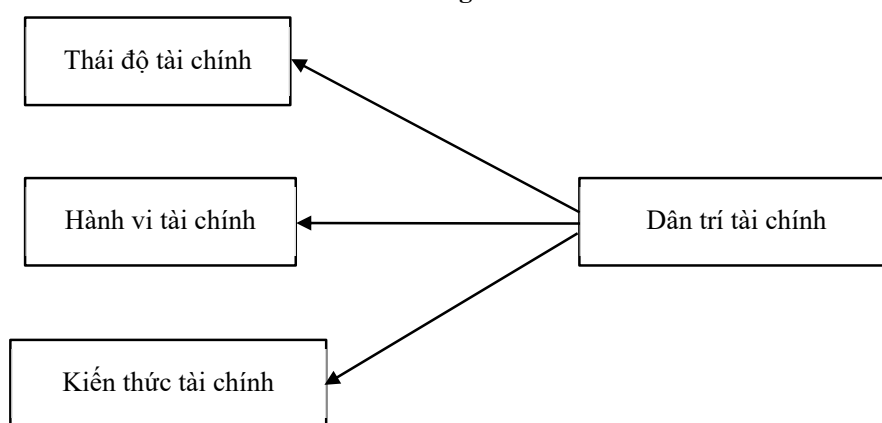
Chỉ tiêu	Số lượng	%
Giới tính		
Nữ	231	39,6
Nam	353	60,4
Tổng cộng	584	100
Trình độ học vấn		
Chưa tốt nghiệp trung học phổ thông	35	6
Tốt nghiệp trung học phổ thông	36	6,2
Trung cấp/Dạy nghề	27	4,6
Cao đẳng/Đại học	429	73,4
Sau đại học	57	9,8
Tổng cộng	584	100
Tình trạng việc làm		
Không đi làm	90	15,3
Có đi làm bán thời gian	197	33,7
Có đi làm toàn thời gian	297	50,9
Tổng cộng	584	100

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp.

Thang đo thái độ tài chính được phát triển theo OECD (2022). Đây là một tập hợp bốn tuyên bố khác nhau mang theo thái độ đối với đồng tiền và thái độ sống nói chung về mặt tài chính. Đáp viên được yêu cầu cho biết mức độ đồng ý của họ với các khẳng định này, sử dụng thang Likert 5 điểm, trong đó (1) thể hiện hoàn toàn không đồng ý và (5) thể hiện hoàn toàn đồng ý.

Thang đo hành vi tài chính được phát triển bởi Potrich & cộng sự (2016), OECD (2022). Có tổng cộng 7 hành vi được quan tâm, xoay quanh các chủ đề thanh toán hóa đơn, thói quen chi tiêu, tiền dự phòng và lập ngân sách dài hạn. Người trả lời được yêu cầu cho biết tần suất họ thực hiện các hành vi tài chính này, sử dụng thang Likert 5 điểm, trong đó (1) thể hiện không bao giờ và (5) thể hiện luôn luôn.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp mô hình phương trình cấu trúc (Structural Equation Modeling) thông qua AMOS 20 để đánh giá biến tiềm ẩn mà không có biến quan sát trực tiếp là dân trí tài chính (FL), các biến tiềm ẩn phản ánh dân trí tài chính là thái độ tài chính (FA), hành vi tài chính (FB), kiến thức tài chính (FK). Các biến quan sát hay các câu hỏi cho từng biến tiềm ẩn FA, FB, FK sẽ được đánh số lần lượt

là FA từ 1 tới 4, FB từ 1 tới 7, FK từ 1 tới 5. Với những câu hỏi được mã hóa ngược nhằm tránh hiện tượng đáp viên trả lời hời hợt có thể làm hỏng kết quả thu được, chúng tôi ký hiệu “R” ở cuối và thực hiện xử lý dữ liệu thu được trước khi tiến hành thực hiện các phép phân tích như CFA hay SEM.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Để đánh giá được độ phù hợp tổng thể của dữ liệu dựa trên các chỉ số độ phù hợp mô hình, nhóm nghiên cứu tiến hành phân tích nhân tố khẳng định (CFA) dữ liệu thu thập được bằng phần mềm AMOS 20.

Bảng 2: Kết quả đánh giá tính hội tụ và tính phân biệt của mô hình đo lường

	CR	AVE	MSV	MaxR(H)	Fornell and Larcker		
					FA	FB	FK
FA	,857	,600	,593	,863	,774		
FB	,926	,642	,593	,928	,770	,801	
FK	,900	,643	,530	,903	,678	,728	,802

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp.

Kết quả cho thấy, hệ số tải chuẩn hóa của mỗi nhân tố cao nhất là 0,845 (FK5), thấp nhất là 0,722 (FA4R) - đều lớn hơn 0,5 và đạt điều kiện để tiến hành các phân tích tiếp theo (Hulland, 1999). Như tổng hợp ở bảng 2, phương sai trích bình quân (AVE) của các biến tiềm ẩn có chỉ báo đều lớn hơn 0,5 và độ tin cậy tổng hợp (CR) tương ứng đều lớn hơn 0,7, chứng tỏ các biến chỉ báo có mối tương quan chặt chẽ với biến ẩn mà chúng đo lường, mang tính đại diện tốt cho biến ẩn. (Hair & cộng sự, 2009). Ngoài ra, theo phương pháp Fornell – Larcker, AVE của tất cả các biến ẩn đều lớn hơn bình phương hệ số tương quan của biến ẩn đó với các biến ẩn còn lại. Từ đó thể hiện tương quan của mỗi biến với chính nó lớn hơn tương quan các biến ẩn khác (Fornell và Larcker, 1981), đảm bảo tính phân biệt cho mô hình đo lường.

Đánh giá các chỉ số đo lường độ phù hợp, $\chi^2/df = 1,93 (< 2)$; CFI = 0,992, TLI = 0,992, GFI = 0,995, RNI = 0,992, IFI = 0,993, AGFI = 0,993 ($> 0,95$); RMSEA = 0,048 ($< 0,08$); PNFI = 0,71 ($> 0,5$). Đối chiếu với các ngưỡng được đề xuất trong ngoặc, có thể kết luận mô hình đo lường có độ phù hợp tốt (Hair & cộng sự, 2009). Nhóm nghiên cứu tiếp tục phân tích mô hình SEM để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu.

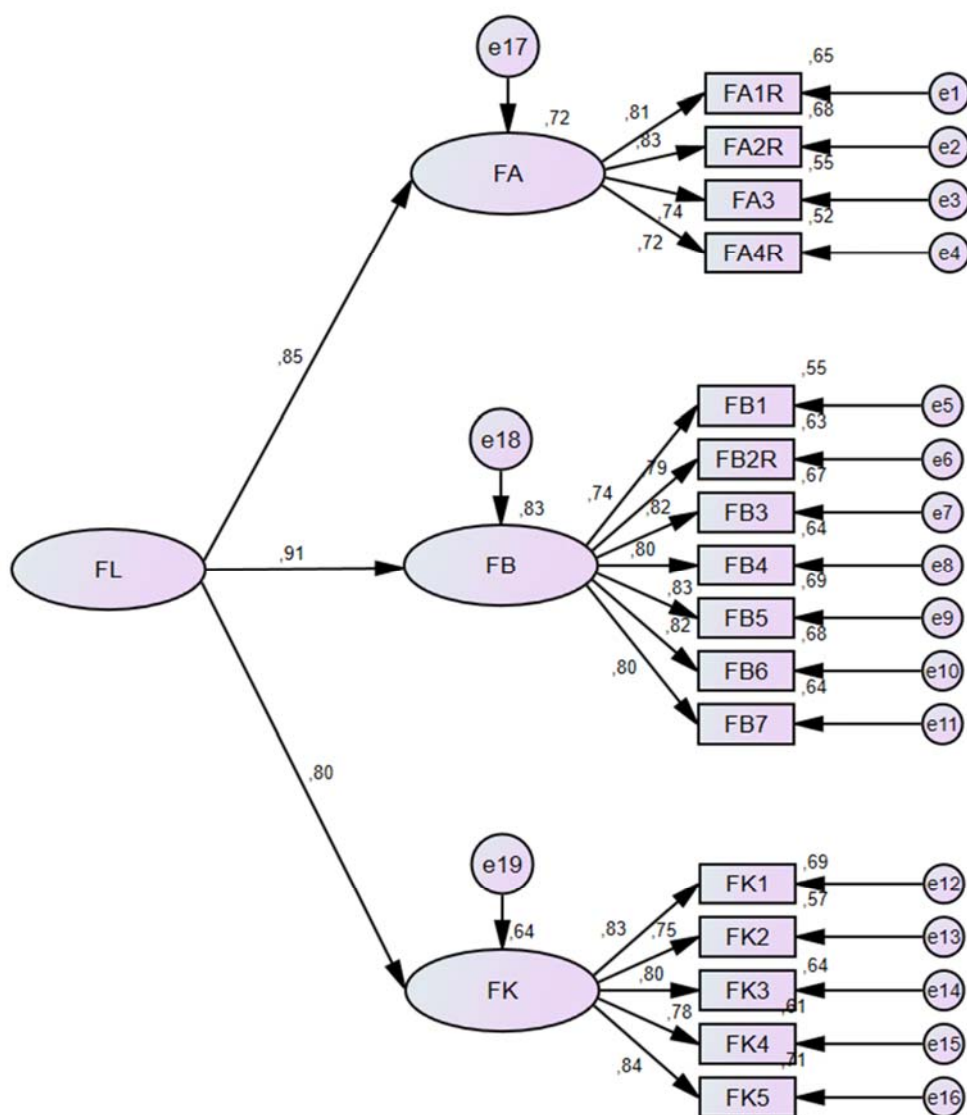
Kết quả từ mô hình cho thấy hệ số tương quan của dân trí tài chính đối với thái độ tài chính là 0,850 với p-value là 0,000. Điều này có nghĩa H1 được chấp nhận hay dân trí tài chính được phản ánh tích cực thông qua thái độ tài chính. Đây cũng là kết quả của Potrich & cộng sự (2016), Shahryar và Tan (2014), Rai & cộng sự (2019), OECD (2022). Như vậy, thái độ tài chính càng tích cực phản ánh trình độ dân trí tài chính càng cao. Cá nhân đánh giá càng chính xác các sự thay đổi, biến động của nền kinh tế càng có khả năng về hiểu biết cũng như đầu tư, tiết kiệm chính xác và khôn ngoan. Nói cách khác, để nâng cao trình độ dân trí tài chính của nền kinh tế, trước tiên cần bắt đầu từ việc cải thiện cách mọi người nhìn nhận đồng tiền nói riêng và quan điểm với các chủ đề tài chính nói chung (Bhushan và Medury, 2013).

Kết quả từ mô hình cho thấy hệ số tương quan của dân trí tài chính đối với hành vi tài chính là 0,910 với p-value là 0,004. Điều này có nghĩa H2 được chấp nhận hay dân trí tài chính được phản ánh tích cực thông qua hành vi tài chính, cũng là kết quả của Lusardi và Mitchell (2011), Ozdemir & cộng sự (2021). Hành vi tài chính là tập hợp các hành vi của con người liên quan tới việc ra các quyết định tài chính và quản lý dòng tiền. Hành vi tài chính càng tốt phản ánh trình độ dân trí tài chính càng cao. Các hành vi tài chính tích cực cũng thường đi liền với một lối tư duy dài hạn, khôn ngoan cùng một lượng hiểu biết đáng kể xoay quanh chủ đề kinh tế.

Kết quả từ mô hình cho thấy hệ số tương quan của dân trí tài chính đối với kiến thức tài chính là 0,800 với p-value là 0,000. Điều này có nghĩa giả thuyết H3 được chấp nhận hay dân trí tài chính được phản ánh tích cực thông qua kiến thức tài chính, tương đồng với những kết luận trước đó của Hung & cộng sự (2009),

Rai & cộng sự (2019), Potrich & cộng sự (2016), Khúc Thế Anh (2020). Như vậy, đối với người trẻ tại Việt Nam, kiến thức tài chính là một trong những nhân tố phản ánh dân trí tài chính, hay dân trí tài chính cao được thể hiện qua một kiến thức tài chính cũng cao tương ứng. Khi hiểu biết thông thạo về các chỉ tiêu tài chính, khả năng đầu tư, tiết kiệm của chủ thể càng tốt hơn và phù hợp với mục đích của họ (Khúc Thế Anh, 2020). Kempson (2009), khi nghiên cứu năng lực tài chính và các thành phần của nó, đã kết luận rằng kiến thức tài chính đóng vai trò là cơ sở cho khả năng xử lý hiệu quả các công việc tài chính hàng ngày và đưa ra các quyết định hợp lý phù hợp. Việc tiếp thu kiến thức tài chính được thể hiện dưới nhiều hình thức: trực tiếp từ kinh nghiệm, nhà trường, các khóa đào tạo hoặc gián tiếp thông qua sự truyền thụ thụ động của gia đình, bạn bè, phương tiện truyền thông và thông tin tài chính xung quanh.

Hình 2: Kết quả mô hình SEM



Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp từ phần mềm.

Từ kết quả trên, nghiên cứu đưa đến kết luận: dân trí tài chính được phản ánh qua ba yếu tố bao gồm thái độ tài chính, hành vi tài chính và kiến thức tài chính hay chấp nhận cả ba giả thuyết đã đề ra. Kết quả này cũng tương đồng với các nghiên cứu đi trước để đánh giá dân trí tài chính của Potrich & cộng sự (2016) cho sinh viên đại học ở Brazil hay của Rai & cộng sự (2019) cho phụ nữ đang đi làm. Kết quả cũng cho thấy

mối tương quan của dân trí tài chính với hành vi tài chính là mạnh nhất, kế đến là thái độ tài chính và cuối cùng là kiến thức tài chính – trái với hướng tiếp cận đồng nhất dân trí tài chính với kiến thức tài chính được đo lường bởi Big Five như đề xuất của Lursadi và Mitchell (2008). Kết luận này có thể mở ra một hướng tiếp cận mới trong việc đo lường dân trí tài chính của người trẻ, đồng thời cũng cung cấp một hướng xây dựng chính sách mới cho các nhà hoạch định chính sách nhằm hướng đến đối tượng là sinh viên Việt Nam.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Như vậy, qua việc tổng hợp các khái nghĩa từ nhiều bài báo khoa học trong và ngoài nước, nghiên cứu đã rút ra cách định nghĩa bao hàm hơn cho khái niệm “dân trí tài chính” - một tổ hợp kiến thức tài chính, thái độ tài chính và hành vi tài chính giúp con người đưa ra được những quyết định hợp lý để hướng tới mục tiêu thỏa mãn về tài chính. Cách tiếp cận này là một sự bổ sung về mặt lý thuyết cho các nghiên cứu tương lai cùng chủ đề, là một sự mở rộng so với hai cách tiếp cận truyền thống chủ yếu hiện nay (chỉ đánh giá kiến thức tài chính). Về mặt thực tiễn, dựa trên kết quả từ mô hình định lượng, nghiên cứu đã khẳng định ba nội hàm trên đồng thời phản ánh dân trí tài chính, trong đó hành vi tài chính là yếu tố có tác động lớn nhất tới dân trí tài chính, theo sau là thái độ tài chính và cuối cùng là kiến thức tài chính.

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị về việc nâng cao dân trí tài chính cho giới trẻ Việt Nam trong độ tuổi từ 18-25. Đầu tiên, nhà nước cần đưa việc đào tạo và nâng cao dân trí tài chính cho thanh niên Việt Nam trong độ tuổi từ 18 đến 25 thành mối quan tâm trong trung và dài hạn. Đồng thời xác định rõ mục đích của việc nâng cao kiến thức và kỹ năng tài chính cho thanh niên là để họ thay đổi thái độ đối với tài chính, đưa ra được các quyết định đúng đắn và các hành vi tài chính tích cực dựa trên kiến thức của bản thân. Thứ hai, cần có những hội thảo, tọa đàm, những buổi talkshow chia sẻ, định hướng, nuôi dưỡng các hành vi tài chính tích cực cho thanh niên như lập kế hoạch ngân sách, thanh toán hoá đơn đúng hạn, tránh nợ xấu, tránh vay mượn tín dụng quá nhiều. Thứ ba, chính quyền địa phương cần xây dựng các chương trình tuyên truyền nhằm thúc đẩy một thái độ tài chính tích cực cho thanh niên ngay tại địa phương và đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về dân trí tài chính cùng vai trò của nó ngay tại địa phương. Bản thân những người trẻ cần nhận thức được tầm quan trọng của tiền bạc và quản lý tài chính cá nhân và bản thân họ cần thay đổi để cải thiện sức khỏe tài chính. Họ có thể tự đặt ra các mục tiêu tài chính có thể đạt được, như xây dựng quỹ khẩn cấp, lập kế hoạch nghỉ hưu hoặc tiết kiệm và đưa ra chiến lược để đạt được các mục tiêu đó; ngoài ra cũng nên giám sát chi tiêu và lập ngân sách để xác định những lĩnh vực có thể giảm thiểu chi phí, phân bổ lại nhiều tiền hơn cho việc tiết kiệm. Hơn nữa, họ cũng cần chủ động tìm hiểu phá các tài liệu giáo dục tài chính để nâng cao kiến thức tài chính và đưa ra những lựa chọn sáng suốt về tiết kiệm và đầu tư.

Nghiên cứu này cũng còn tồn tại hạn chế về vấn đề tính đại diện của mẫu. Do hạn chế về địa lý, thời gian và kinh phí, nghiên cứu đã không thể bao hàm tất cả sinh viên Việt Nam. Mặc dù cỡ mẫu đã đảm bảo tính đại diện theo ngưỡng tối thiểu đề xuất nhưng thực tế, con số 584 chưa thể khái quát cho hơn 2 triệu sinh viên tại Việt Nam hiện nay. Ngoài ra, đối tượng sinh viên còn thuộc nhiều nhóm nhân khẩu học khác nhau, như độ tuổi, tình trạng hôn nhân, khu vực sinh sống, cũng như các yếu tố về tôn giáo, v.v. đều có ảnh hưởng tới khả năng tiếp xúc với giáo dục tài chính và trình độ dân trí tài chính tương ứng của họ. Kết quả của nghiên cứu này chưa có sự bao gồm được các yếu tố nhân khẩu học trên. Đây là một hướng đi cần được bổ khuyết trong tương lai đối với các nghiên cứu cùng chủ đề.

Tài liệu tham khảo

- Atkinson, A. & Messy, F. A. (2012), ‘Measuring financial literacy’, *Journal of Consumer Affairs*, 44(2), 296-316.
- Bhushan, P. & Medury, Y. (2013), ‘Financial Literacy and its Determinants’, *International Journal of Engineering, Business and Enterprise Applications*, 4(2), 155-160.
- Bowen, C. F. (2002), ‘Financial Knowledge of Teens and Their Parents’, *Financial Counseling and Planning*, 13(2), 93-102.

-
- Bumcrot, C. B., Lin, J., & Lusardi, A. (2013), 'The Geography of Financial Literacy', *Numeracy: Advancing Education in Quantitative Literacy*, 6(2). DOI: <http://dx.doi.org/10.5038/1936-4660.6.2.2>.
- Brüggen, E. C., Hogreve, J., Holmlund, M., Kabadayi, S., & Löfgren, M. (2017), 'Financial well-being: A conceptualization and research agenda', *Journal of Business Research*, 79, 228-237.
- Fornell, C., & Larcker, D. F. (1981), 'Evaluating structural equation models with unobservable variables and measurement error', *Journal of Marketing Research*, 18(1), 39-50.
- Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J. & Anderson, R. E. (2009), *Multivariate Data Analyses, 7th ed.*, Pearson, New Jersey.
- Hastings, J. S., Madrian, B. C. & Skimmyhorn, W. L. (2013), 'Financial literacy, financial education, and economic outcomes', *Annual Review of Economics*, 5(1), 347-373.
- Hilgert, M. A., Hogarth, J. M. & Beverly, S. G. (2003), 'Household Financial Management: The Connection Between Knowledge and Behavior', *Federal Reserve Bulletin*, 89, 309-322.
- HM Treasury (2007), *Financial capability: The Government's long-term approach*, HMSO, London.
- Hulland, J. (1999), 'Use of partial least squares (PLS) in strategic management research: A review of four recent studies', *Strategic Management Journal*, 20(2), 195-204.
- Hung, A., Parker, A. M. & Yoong, J. (2009), *Defining and Measuring Financial Literacy*, RAND Working Paper Series WR-708.
- Huston, S. (2010), 'Measuring financial literacy', *Journal of Consumer Affairs*, 44(2), 296-316.
- Kadoya, Y. & Khan, M. S. R. (2020), What determines financial literacy in Japan. *Journal of Pension Economics and Finance*, 19(3), 353-371. DOI: <https://doi.org/10.1017/S1474747218000379>.
- Kempson, E. (2009), *Framework for the development of financial literacy baseline surveys: A first international comparative analysis*, OECD Working Papers on Finance, Insurance and Private Pensions, No.1 OECD Publishing. DOI: <https://doi.org/10.1787/20797117>.
- Khúc Thế Anh (2020), 'Dân trí tài chính của người nghèo tại khu vực nông thôn Việt Nam', Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- Khan, M. N., Rothwell, D. W., Cherney, K., & Sussman, T. (2017), 'Understanding the Financial Knowledge Gap: A New Dimension of Inequality in Later Life', *Journal of Gerontological Social Work*, 60(6-7), 487-503.
- Lusardi, A., & Mitchell, O. S. (2008). Planning and financial literacy: How do women fare?. *American Economic Review*, 98(2), 413-417.
- Lusardi, A. & Tufano, P. (2009), *Debt Literacy, Financial Experiences, and Overindebtedness*, NBER Working Paper Series, 1-44.
- Lusardi, A., Mitchell, O. S. & Curto, V. (2010), 'Financial Literacy among the Young', *Journal of Consumer Affairs*, 44(2), 358-380.
- Lusardi, A., & Mitchell, O. S. (2011), *Financial Literacy and Planning: Implications for Retirement Wellbeing*, National Bureau of Economic Research, Cambridge, MA.
- Miller, M., Godfrey, N., Levesque, B., & Stark, E. (2009), *The case for financial literacy in developing countries: Promoting access to finance by empowering consumers*, World Bank, DFID, OECD, and CGAP joint note, World Bank, Washington, DC.
- Nguyen, T. A. N., Rózsa, Z., Belás, J., & Belásová, L. (2017), 'The effects of perceived and actual financial knowledge on regular personal savings: Case of Vietnam', *Journal of International Studies*, 10(2), 278-291.
- Noctor, M., Stoney, S. & Stradling, R. (1992), *Financial literacy: a discussion of concepts and competencies of financial literacy and opportunities for its introduction into young people's learning*, National Foundation for Educational Research, London.
- OECD (2005), *Improving Financial Literacy: Analysis of Issues and Policies*, OECD Publishing, Paris. DOI: <https://doi.org/10.1787/9789264012578-en>.
- OECD (2017), *G20/OECD INFE report on adult financial literacy in G20 countries*, OECD Publishing, Paris. DOI: <https://doi.org/10.1787/04fb6571-en>.
-